

DANH MỤC HÀNG HÓA  
(Kèm theo Thông báo số /TB-BVSNBNS1 ngày tháng năm 2026)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
I	VẬT TƯ THEO MÁY							
	VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU DESTINY PLUS							
1	Cuvette dùng cho máy đông máu tự động	Được làm bằng nhựa dùng một lần, có bi làm bằng thép không gỉ bên trong.	Cuộn			200		
2	Đũa khuấy từ (Kích thước 2x7mm)	Kích thước 2x7mm dùng cho xét nghiệm PT.	Thanh			10		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
3	Đũa khuấy từ (Kích thước 3,2x12,7mm)	Kích thước 3,2x12,7mm dùng cho xét nghiệm APTT.	Thanh			10		
4	Ống bảo quản hóa chất cỡ nhỏ	- Sử dụng tương thích với lọ chứa thuốc thử có thể tích trung bình từ 4-6ml; - Ống được làm từ nhựa, hình trụ thông 2 đầu.	Hộp			2		
5	Ống bảo quản hóa chất cỡ lớn	- Sử dụng tương thích với lọ chứa thuốc thử có thể tích trung bình từ 8-15ml; - Ống được làm từ nhựa, hình trụ, thông 2 đầu.	Hộp			2		
	<b>VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH Access 2</b>							

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
6	Cồng đựng mẫu 2ml	Chất liệu: Polystyrene; Dung tích 2mL; Đáy hình nón	Cái			4.000		
7	Giếng phản ứng	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL	Cái			112.896		
8	Dây bơm dùng cho máy miễn dịch đường kính trong 2.79mm	Đường kính trong 2.79mm (+/- 5%), bằng cao su	Cái			4		
9	Dây bơm dùng cho máy miễn dịch đường kính trong 1.29mm	Đường kính trong 1.29mm (+/- 5%), bằng cao su	Cái			4		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
10	Túi thải máy miễn dịch		Túi			10		
	<b>VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA CS-400</b>							
11	Cuvette	Chất liệu: Nhựa	Bộ			10		
12	Bóng đèn thay định kỳ	12V - 20W có UV.	Chiếc			16		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
13	Kim hút mẫu	Dài hút từ 2-35 µl	Chiếc			5		
	<b>VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI EASYLYTE</b>							
14	Đầu dò mẫu		Cái			2		
15	Kim hút mẫu		Cái			2		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
16	Điện cực tham chiếu		Cái			5		
17	Điện cực Na <sup>+</sup>		Cái			5		
18	Điện cực K <sup>+</sup>		Cái			5		
19	Điện cực Cl <sup>-</sup>		Cái			5		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
20	Bộ ống dây dẫn		Cái			2		
21	Bộ màng lọc		Cái			2		
<b>II</b>	<b>HÓA CHẤT THEO MÁY</b>							
	<b>HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU DESTINY PLUS</b>							

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
22	Hoá chất xét nghiệm PT	- Thành phần: + Thuốc thử 1: Chứa thromboplastin đông khô được chiết xuất từ não thô. Ngoài ra còn chứa một chất ức chế heparin đặc hiệu. + Thuốc thử 2: Dung dịch hòa tan có chứa canxi. ≥ 12 x 10ml + ≥12 x 10ml/hộp	Hộp			90		
23	Hoá chất xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hóa chất chứa thrombin người đã citrat hóa có chứa canxi (khoảng 100 NIH units/ml) và có chứa một chất ức chế đặc hiệu heparin cho phép phân tích fibrinogen trong mẫu huyết tương có heparin. ≥ 12 x 4ml/Hộp	Hộp			60		
24	Hoá chất dùng kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu	- Hóa chất cung cấp Huyết tương bình thường và bất thường dùng để kiểm soát chất lượng của các xét nghiệm PT, aPTT, TT, Fibrinogen, Antithrombin. - Thành phần gồm: +Thuốc thử 1: huyết tương người bình thường được citrate hóa, đông khô + Thuốc thử 2: huyết tương người bất thường được citrate hóa, đông khô ≥ 12 x 2ml + ≥12 x 2ml/Hộp	Hộp			30		
25	Dung dịch CaCL2 0.025M	Dung dịch Canxi Clorua 0.025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho các xét nghiệm yếu tố đông máu nội sinh ≥ 24x15ml/hộp	Hộp			20		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
26	Hóa chất thiết lập đường chuẩn PT	Là huyết tương sử dụng như là huyết tương hiệu chuẩn cho phân tích chức năng các thông số đông máu trên máy phân tích đông máu tự động như: thời gian prothrombin (nếu kết quả bằng %), Owren's PT, fibrinogen, yếu tố II, V, VII, VIII, IX, X, XI và XII, protein C và protein S bằng phương pháp đo thời gian đông; – antithrombin (AT), protein C, plasminogen và antiplasmin bằng phương pháp cơ chất màu tổng hợp. ≥ 6 x 1ml/Hộp	Hộp			5		
27	Dung dịch rửa kim máy đông máu tự động	Là dung dịch khử nhiễm. Có chứa Kali hydroxide (KOH < 1 %). ≥ 24 x15ml/Hộp	Hộp			60		
28	Hoá chất dùng kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng D-Dimer	Hóa chất cung cấp huyết tương bình thường và bất thường dành cho việc kiểm soát chất lượng các xét nghiệm kháng nguyên bằng phương pháp miễn dịch độ đục: Yếu tố VWF, Protein S tự do và Phân tích D-Dimer. ≥ 12 x 1ml + ≥12 x 1ml/Hộp	Hộp			3		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
29	Hoá chất xét nghiệm APTT	Hóa chất cung cấp thuốc thử để định lượng thời gian Thromboplastin từng phần được kích hoạt bằng kaolin (aPTT) trong huyết tương người đã được chống đông citrate. Thành phần: + Thuốc thử 1: chứa cephalin (thay thế tiểu cầu), được chuẩn bị từ mô não thỏ, dạng đông khô. + Thuốc thử 2: dung dịch đệm huyền phù của kaolin (5 mg kaolin/ml). ≥ 6 x 5ml + ≥ 6 x 5ml/Hộp	Hộp			150		
30	Dung dịch pha loãng mẫu dùng cho xét nghiệm Fibrinogen	Được sử dụng làm chất pha loãng cho thuốc thử và huyết tương người trong các thử nghiệm đông máu. Dung dịch pha loãng có pH khoảng 7,35. ≥ 24 x 15ml/Hộp	Hộp			50		
31	Hoá chất xét nghiệm định lượng D-dimer	Là xét nghiệm miễn dịch đo độ đục để định lượng D-dimer (D-Di) trong huyết tương chống đông citrate của người. Thành phần gồm: - Thuốc thử 1: Dung dịch đệm Tris chứa tác nhân ngăn chặn dị kháng thể (bao gồm yếu tố thấp). - Thuốc thử 2: Dung dịch huyền phù vi hạt latex được phủ bởi hai kháng thể đơn dòng chuột khác nhau kháng D-dimer người sau đó được ổn định (với albumin bò). ≥ 6 x 5ml + ≥ 6 x 6ml/Hộp	Hộp			8		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
32	Nước rửa dùng cho máy đông máu tự động	Thành phần chính là hóa chất diệt nấm họ ether glycol được pha loãng trong nước. ≥ 2,5 Lit/Can	Can			500		
33	Hoá chất Sàng lọc kháng đông Lupus	Hóa chất để thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng đông Lupus trong huyết tương, được thực hiện với phospholipids nồng độ thấp. - Thuốc thử chứa nọc rắn Russell, phospholipids, calcium và chất ức chế heparin (UFH), dạng đông khô. ≥ 12x2ml/Hộp	Hộp			6		
34	Hoá chất khẳng định kháng đông Lupus	Hóa chất chứa phospholipids nồng độ cao, trung hòa LA có trong huyết tương xét nghiệm. - Thuốc thử chứa nọc rắn Russell, phospholipids, calcium và chất ức chế heparin (UFH), dạng đông khô. ≥ 12x2ml/Hộp	Hộp			6		
35	Hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm kháng đông Lupus	Thành phần gồm: - Thuốc thử 1: huyết tương người âm tính LA, dạng đông khô - Thuốc thử 2: huyết tương người dương tính LA, dạng đông khô ≥ 3 x 1ml + ≥ 3 x 1ml/Hộp	Hộp			6		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
	<b>HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI EASYLYTE</b>							
36	Nước rửa cho máy điện giải	Thành phần gồm: - Pha loãng rửa hàng ngày: HCl (0,1N) và muối, 1 lọ ≥ 90 ml - Chất rửa hàng ngày dạng bột: pepsin 0.5g, ≥ 6 lọ,	Hộp			8		
37	Hóa chất kiểm tra chất lượng 2 mức	*Gồm 2 mức: bình thường và bất thường. *Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản. ≥ 2 x 10 ml/hộp	Hộp			7		
38	Dung dịch đồ điện cực	Thành phần: Chứa KCl ≥ 125ml/ lọ	Lọ			4		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
39	Hóa chất điện giải 3 thông số Na/K/Cl	*Thành phần: 140.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl-; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agentt ≥ 800 ml/hộp	Hộp			35		
	<b>HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH ACCESS 2</b>							
40	Cơ chất phát quang	Thành phần chính: Dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt. ≥ 4x130mL/Hộp	Hộp			65		
41	Dung dịch kiểm tra máy	Thành phần chính: Phosphatase kiềm, albumin huyết thanh bò (BSA), ProClin, natri azit ≥ 6 x 4 mL/Hộp	Hộp			8		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
42	Dung dịch đệm dùng cho xét nghiệm miễn dịch	Thành phần chính: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, natri azit và khối lượng phân ứng của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-4-isothiazolin-3-one (3:1) $\geq 4 \times 1950$ mL/Hộp	Hộp			200		
43	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Thành phần chính: Acid hữu cơ $\geq 1$ gallon/Bình	Bình			4		
44	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Thành phần chính: KOH 1-5% $\geq 1$ lít/Bình	Bình			4		
45	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng $\beta$ hCG toàn phần	Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, natri azit, ProClin 300, hCG ở các mức nồng độ 0 mIU/mL, xấp xỉ 6, 35, 195, 620 và 1350 mIU/mL $\geq 6 \times 4$ mL/Hộp	Hộp			6		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
46	Thuốc thử xét nghiệm định lượng $\beta$ hCG toàn phần	Dải đo: Xấp xỉ 0,5–1350 mIU/mL; Thành phần chính: + Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ phức hợp kháng thể (đê) kháng IgG chuột - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng $\beta$ hCG phân tán trong muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, ProClin 300 + Thành phần 2: Protein (đê, chuột và tái tổ hợp) được pha loãng trong dung dịch muối đệm citrate, có chất hoạt tính bề mặt, natri azit và ProClin 300. + Thành phần 3: Kháng thể (thỏ) kháng $\beta$ hCG gắn phosphatase kiềm (tái tổ hợp) được pha loãng trong muối đệm MES, có chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (thỏ), natri azit và ProClin 300 $\geq 2 \times 50$ test/Hộp	Hộp			100		
47	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AMH	Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Đệm HEPES, albumin huyết thanh bò (BSA), ProClin 300, chất bảo quản, AMH ở các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 0,16; 0,6; 4; 10 và 24 ng/mL $\geq 6 \times 2$ mL/Hộp	Hộp			4		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
48	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AMH	Dải đo: Xấp xỉ 0,02–24 ng/mL [0,14–171 pmol/L]; Thành phần chính: + Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng kháng AMH, đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, protein ( bò), natri azid, ProClin 300 + Thành phần 2: Chất cộng hợp: phosphatase kiềm – kháng thể kháng AMH, đệm MES, chất hoạt động bề mặt, protein (bò, tái tổ hợp), natri azid, ProClin 300. + Thành phần 3: Đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, protein (chuột, bò), natri azid, ProClin 300. ≥ 2x50test/Hộp	Hộp			10		
49	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng AMH	Gồm 3 mức. Thành phần chính: AMH (người) tái tổ hợp ở các nồng độ xấp xỉ 1 ng/mL, 5 ng/mL, 15 ng/mL, huyết tương người (đã qua xử lý), ProClin 300 ≥ 3x2x2mL/Hộp	Hộp			4		
50	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng estradiol	Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Huyết thanh người, ProClin 300, estradiol ở các mức nồng độ 0 pg/mL, xấp xỉ 11, 32, 292, 885 và 5200 pg/mL. ≥ 4mL.+≥ 5x2mL/Hộp	Hộp			6		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
51	Thuốc thử xét nghiệm định lượng estradiol	Dài đo: xấp xỉ 15–5.200 pg/mL [55,1–19.089 pmol/L]; Thành phần chính: + Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ streptavidin, biotin và chất tương tự estradiol kết hợp với biotin trong dung dịch đệm Tris có các protein (cá), chất hoạt tính bề mặt và Cosmocil CQ + Thành phần 2: Dung dịch đệm Tris có các protein (dê, bò), chất hoạt động bề mặt, azid và ProClin 300 + Thành phần 3: Chất cộng hợp: kháng thể (đơn dòng, cừu) kháng estradiol - phosphatase kiềm trong dung dịch đệm MES có các protein (dê, chim), chất hoạt động bề mặt, azid và Proclin 300. ≥ 2x50test/Hộp	Hộp			50		
52	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FSH	Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin 300, hFSH ở các mức nồng độ 0 mIU/mL, xấp xỉ 1, 10, 50, 100 và 200 mIU/mL ≥6x4mL/Hộp	Hộp			5		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
53	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FSH	Dải đo: xấp xỉ 0,2–200 mIU/mL (IU/L); Thành phần chính: + Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ phức hợp kháng thể dê kháng IgG chuột - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng hFSH được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS có albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin 300. + Thành phần 2: Chất cộng hợp kháng thể dê kháng hFSH - phosphatase kiềm (bò) trong dung dịch muối đệm TRIS có protein (bò, chuột, dê), chất hoạt động bề mặt, natri azid và ProClin 300. + Thành phần 3: Dung dịch muối đệm TRIS với protein (bò, chuột, dê), chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin 300. ≥ 2x50test/Hộp	Hộp			40		
54	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LH	Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) có chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin 300, hLH ở các mức nồng độ 0 mIU/mL, xấp xỉ 2, 10, 25, 100 và 250 mIU/mL (IU/L) ≥ 6x4mL/Hộp	Hộp			5		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
55	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LH	<p>Dài đo: xấp xỉ 0,2–250 mIU/mL [IU/L];</p> <p>Thành phần chính:</p> <p>+ Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ phức hợp kháng thể (dê) kháng IgG chuột - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng hLH được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS có albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin 300.</p> <p>+ Thành phần 2: Dung dịch muối đệm TRIS có BSA, protein (của chuột, dê), chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin 300.</p> <p>+ Thành phần 3: Chất cộng hợp kháng thể của dê kháng hLH – phosphatase kiềm trong dung dịch muối đệm TRIS có BSA, protein (dê), chất hoạt động bề mặt, natri azid và ProClin 300.</p> <p>≥ 2x50test/Hộp</p>	Hộp			40		
56	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng progesterone	<p>Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: huyết thanh người, natri azid, Cosmocil, progesterone ở các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 1, 4, 10, 20 và 40 ng/mL</p> <p>≥ 4mL+ ≥ 5x2.5mL/Hộp</p>	Hộp			5		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
57	Thuốc thử xét nghiệm định lượng progesterone	<p>Phạm vi phân tích: Xấp xỉ 0,1–40 ng/mL [0,32-127,2 nmol/L];</p> <p>Thành phần chính:</p> <p>+ Thành phần 1: Chất cộng hợp progesterone – phosphatase kiềm (của bò) và các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng IgG của thỏ trong dung dịch muối đệm TRIS, có albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid và Cosmocil CQ.</p> <p>+ Thành phần 2: Protein (dê, thỏ) trong dung dịch đệm axetate với Cosmocil CQ.</p> <p>+ Thành phần 3: kháng huyết thanh (thỏ) kháng progesterone trong dung dịch đệm acetate, BSA, natri azid và Cosmocil CQ ≥ 2x50test/Hộp</p>	Hộp			40		
58	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng prolactin	<p>Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin 300, Prolactin ở các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 2, 10, 20, 100 và 200 ng/mL ≥ 4mL+ ≥ 5x2.5mL/Hộp</p>	Hộp			5		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
59	Thuốc thử xét nghiệm định lượng prolactin	Dải đo: xấp xỉ 0,25–200 ng/mL [ µg/L]; Thành phần chính: + Thành phần 1: Hạt thuận từ phủ phức hợp kháng thể (đê) kháng IgG chuột – kháng thể (chuột đơn dòng) kháng Prolactin phân tán trong muối đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin 300. + Thành phần 2: Chất cộng hợp kháng thể (đê) kháng Prolactin – phosphatase kiềm (bò), muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (đê), natri azid và ProClin 300. ≥ 2x50test/Hộp	Hộp			40		
60	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng testosterone	Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA), ProClin 300, natri azid, testosterone ở các mức nồng độ 0,5; 1,5; 4; 8 hoặc 16 ng/mL ≥ 6x2.5mL/Hộp	Hộp			5		
61	Thuốc thử xét nghiệm định lượng testosterone	Dải đo: xấp xỉ 0,1–16 ng/mL [0,35–55,5 nmol/L]; Thành phần chính: + Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ kháng thể đê kháng IgG chuột; chất cộng hợp testosterone – phosphatase kiềm với albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid và ProClin 300. + Thành phần 2: Dung dịch xử lý mẫu, natri azid. + Thành phần 3: Kháng thể đơn dòng kháng testosterone (chuột), protein (BSA, chuột, đê), natri azid, ProClin 300. ≥ 2x50test/Hộp	Hộp			40		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
62	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Dung dịch đệm phosphat, protein (bò), natri azit, ProClin 300, Kháng nguyên carcinoembryonic (người) ở các mức nồng độ xấp xỉ 1, 10, 100, 500, 1000 ng/mL ≥ 6x2.5mL/Hộp	Hộp			2		
63	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	Dài đo: xấp xỉ 0,1–1.000 ng/mL; Thành phần chính: + Thành phần 1: Pha rắn: Các hạt thuận từ phủ MAb (chuột) kháng CEA, được phân tán trong dung dịch đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, ProClin 300. + Thành phần 2: Dung dịch pha loãng: Dung dịch đệm phosphat, protein (chuột, bò) với natri azit và ProClin 300. + Thành phần 3: Chất cộng hợp MAb (chuột) kháng CEA gắn phosphatase kiềm (bò), được pha loãng trong dung dịch đệm phosphat, protein (bò), natri azit và ProClin 300. ≥ 2x50test/Hộp	Hộp			5		
64	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng vitamin B12	Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh người (HSA), natri azid, ProClin 300 và vitamin B12 ở các mức nồng độ 0 pg/mL, xấp xỉ 100, 250, 500, 900 và 1500 pg/mL ≥ 6x4mL/Hộp	Hộp			2		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
65	Thuốc thử xét nghiệm định lượng vitamin B12	<p>Dải đo: xấp xỉ 50–1.500 pg/mL [37–1.107 pmol/L];</p> <p>Thành phần chính:</p> <p>+ Thành phần 1: Hạt thuận từ phủ phức hợp kháng thể (đê) kháng IgG chuột - kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng yếu tố nội tại, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid và ProClin 300.</p> <p>+ Thành phần 2: Đệm borat, chất hoạt động bề mặt, cobinamid và natri azid.</p> <p>+ Thành phần 3: Chất cộng hợp yếu tố nội tại (lợn) – phosphatase kiềm (bò), muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh người (HSA), natri azid và ProClin 300.</p> <p>+ Thành phần 4: Dung dịch natri hydroxid (NaOH) 0,5N có 0,005% kali xyanua (KCN)</p> <p>+ Thành phần 5: Dung dịch axid acetic 0,02% có dithiothreitol (DTT).</p> <p>≥ 2x50test/Hộp</p>	Hộp			5		
66	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ferritin	<p>Gồm 6 nồng độ (S0, S1, S2, S3, S4, S5). Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin 300 và ferritin ở các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 10, 50, 200, 500, 1500 ng/mL</p> <p>≥ 6x4mL/Hộp</p>	Hộp			6		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
67	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin	<p>Phạm vi phân tích: Xấp xỉ 0,2–1.500 ng/mL;</p> <p>- Thành phần chính:</p> <p>+ Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ phức hợp kháng thể dê kháng IgG của chuột - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng ferritin được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid và ProClin 300.</p> <p>+ Thành phần 2: Chất cộng hợp kháng thể dê kháng ferritin - phosphatase kiềm (bò) trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (của dê, chuột), natri azid và ProClin 300.</p> <p>≥ 2x50test/Hộp</p>	Hộp			110		
68	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 125	<p>Phạm vi phân tích: Xấp xỉ 0,5 U/mL - 5.000 U/mL;</p> <p>- Thành phần chính:</p> <p>+ Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng biotin, kháng thể (đơn dòng, chuột, gắn biotin) kháng kháng nguyên CA 125, albumin huyết thanh bò, natri azid, ProClin 300.</p> <p>+ Thành phần 2: Chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng kháng nguyên CA 125, albumin huyết thanh bò, natri azid và ProClin 300.</p> <p>+ Thành phần 3: Dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột), natri azid và ProClin 300.</p> <p>≥ 2x50test/Hộp</p>	Hộp			40		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
69	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125	Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, natri azid, ProClin 300, Kháng nguyên CA 125 ở các nồng độ xấp xỉ 25, 100, 500, 2000 và 5000 U/mL ≥ 6x2.5mL/Hộp	Hộp			5		
70	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T4	Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azide, ProClin 300, thyroxine ở các mức nồng độ 0 µg/dL, xấp xỉ 2, 4, 8, 16 và 30 µg/dL ≥ 6x4mL/Hộp	Hộp			8		
71	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4	Phạm vi phân tích: Xấp xỉ 0,5–30 µg/dL [6,4–386 nmol/L]); - Thành phần chính: + Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng IgG chuột được phân tán trong muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), 8-anilino-1-naphthalenesulfonic acid (ANS), natri azid và ProClin 300. + Thành phần 2: kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng thyroxine được pha loãng trong muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, protein (chim, chuột, dê), natri azid và ProClin 300. + Thành phần 3: Chất cộng hợp thyroxine - phosphatase kiềm (bò) được pha loãng trong muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, protein (chim), natri azid và ProClin 300. ≥ 2x50test/Hộp	Hộp			40		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
72	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	<p>Phạm vi phân tích: 0,005–50 <math>\mu</math>IU/mL;</p> <p>- Thành phần chính:</p> <p>+ Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH người, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azide, ProClin 300</p> <p>+ Thành phần 2: Muối đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (chuột), natri azide và ProClin 300</p> <p>+ Thành phần 3: Kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH cộng hợp với phosphatase kiềm, muối đệm ACES, có chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (chuột), natri azide và ProClin 300</p> <p>+ Thành phần 4: Kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH cộng hợp với phosphatase kiềm, muối đệm ACES, chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (chuột), natri azide và ProClin 300</p> <p><math>\geq 2 \times 100</math> test/Hộp</p>	Hộp			30		
73	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	<p>Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azit, ProClin 300, hTSH ở các mức nồng độ 0 <math>\mu</math>IU/mL, xấp xỉ 0,05; 0,3; 3; 15 và 50 <math>\mu</math>IU/mL</p> <p><math>\geq 6 \times 2.5</math> mL/Hộp</p>	Hộp			5		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
74	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	<p>Phạm vi phân tích: Xấp xỉ 0,1 - 8 ng/mL (0,2–12,3 nmol/L)];</p> <p>- Thành phần chính:</p> <p>+ Thành phần 1: Chất cộng hợp kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng T3 - phosphatase kiềm (bò), các hạt thuận từ phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim và chuột), chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin 300.</p> <p>+ Thành phần 2: Chất tương tự T3 được liên kết với biotin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt động bề mặt, natri azid và ProClin 300.</p> <p>+ Thành phần 3: Dung dịch natri hydroxid 0,4N (NaOH) có 8-Anilino-1-Naphthalenesulfonic Acid (ANS).</p> <p>+ Thành phần 4: Dung dịch axit hydrochloric (HCl) 0,4N.</p> <p>≥ 2x50test/Hộp</p>	Hộp			40		
75	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3	<p>Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azid, Cosmocil CQ, Triiodothyronine ở các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 0,5, 1, 2, 4 và 8 ng/mL</p> <p>≥ 6x4mL/Hộp</p>	Hộp			4		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
76	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 tự do	<p>Dải đo: xấp xỉ 0,25–6 ng/dL [3,2–77 pmol/L];</p> <p>Thành phần chính:</p> <p>+ Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ streptavidin, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, NaN<sub>3</sub>, ProClin 300.</p> <p>+ Thành phần 2: Muối đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, natri azid và ProClin 300.</p> <p>+ Thành phần 3: Muối đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, natri azid và ProClin 300.</p> <p>+ Thành phần 4: Chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) – Triiodothyronin, muối đệm TRIS, protein (chim), chất hoạt động bề mặt, natri azid và ProClin 300.</p> <p>+ Thành phần 5: Kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng Thyroxin – T4 gắn biotin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim và chuột), chất hoạt động bề mặt, natri azid và ProClin 300.</p> <p>≥ 2x50test/Hộp</p>	Hộp			40		
77	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T4 tự do	<p>Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azit, ProClin 300, thyroxine ở các mức nồng độ 0 ng/dL, xấp xỉ 0,5, 1,0, 2,0, 3,0 và 6,0 ng/dL</p> <p>≥ 6x2.5mL/Hộp</p>	Hộp			5		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
78	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3 tự do	Dải đo: xấp xỉ 0,88–30 pg/mL [1,4–46 pmol/L]; Thành phần chính: + Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt động bề mặt, NaN <sub>3</sub> và ProClin 300 + Thành phần 2: Dung dịch đệm MES và ProClin 300 + Thành phần 3: Analog T3 gắn biotin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, NaN <sub>3</sub> và ProClin 300. + Thành phần 4: Dung dịch đệm TRIS chứa protein động vật (dê, bò, chim), chất hoạt tính bề mặt, NaN <sub>3</sub> và ProClin 300 + Thành phần 5: Chất cộng hợp kháng thể đơn dòng-phosphatase kiềm trong dung dịch đệm ACES có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, NaN <sub>3</sub> và ProClin 300 ≥ 2x50test/Hộp	Hộp			30		
79	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3 tự do	Gồm 6 nồng độ (S0, S1, S2, S3, S4, S5). Thành phần chính: Dung dịch đệm HEPES, protein (bò), chất hoạt động bề mặt, NaN <sub>3</sub> , ProClin 300, T3 ở các mức nồng độ 0 pg/mL, xấp xỉ 1, 2, 5, 10 và 30 pg/mL ≥ 6x2.5mL/Hộp	Hộp			5		
80	Kiểm chuẩn dùng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1	Được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể ≥ 6 x 5 ml/hộp	Lọ			60		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
81	Kiểm chuẩn dùng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2	Được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể ≥ 6 x 5 ml/hộp	Lọ			60		
82	Kiểm chuẩn dùng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3	Được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể ≥ 6 x 5 ml/hộp	Lọ			60		
83	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 15-3	Dải đo: xấp xỉ 0,5–1.000 U/mL; Thành phần chính: + Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng biotin, kháng thể (chuột, đơn dòng, gắn biotin) kháng kháng nguyên CA 15-3, albumin huyết thanh bò, natri azid, ProClin 300. + Thành phần 2: Chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng kháng nguyên CA 15-3, albumin huyết thanh bò, natri azid, ProClin 300. + Thành phần 3: Dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột), natri azid, ProClin 300. ≥ 2x50test/Hộp	Hộp			35		
84	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3	Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin 300, Kháng nguyên CA 15-3 ở các nồng độ xấp xỉ 10, 50, 100, 500 và 1000 U/mL trong BSA đệm ≥ 6x1.5mL/Hộp	Hộp			5		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
85	Chất chuẩn mức 0 của hóa chất Estradiol, dùng cho pha loãng mẫu	Thành phần chính: Huyết thanh người, ProClin 300, chứa 0 pg/mL (pmol/L) estradiol ≥ 1x4mL/Hộp	Hộp			2		
86	Chất chuẩn mức 0 của hóa chất Progesterone. Dùng để pha loãng mẫu	Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azit, Cosmocil CQ, chứa 0 ng/mL progesterone ≥ 1x4mL/Hộp	Hộp			2		
87	Thuốc thử xét nghiệm định lượng DHEA-S	Dài đo: xấp xỉ 2-1.000 µg/dL [0,05-27,14 µmol/L]; Thành phần chính: + Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng IgG thô, kháng thể (thỏ) kháng DHEA-S trong dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin 300. + Thành phần 2: Chất cộng hợp DHEA-S – phosphatase kiềm (bò) trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, chất nền BSA, natri azid và ProClin 300 ≥ 2x50test/Hộp	Hộp			2		
88	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng DHEA-S	Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Chất nền BSA, natri azide, ProClin, DHEA-S ở các mức nồng độ 0 µg/dL, xấp xỉ 20, 50, 200, 500 và 1000 µg/dL ≥ 6x2mL/Hộp	Hộp			1		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
89	Thuốc thử xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT)	Dài đo: xấp xỉ 0,01–100 ng/mL; Thành phần chính: + Thành phần 1: Các hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng procalcitonin người trong dung dịch đệm TRIS có chất hoạt động bề mặt, protein (bò), natri azid, ProClin 300 + Thành phần 2: Natri Hydroxid + Thành phần 3: Dung dịch đệm MOPS có chất hoạt động bề mặt và protein (bò, chuột), natri azid và ProClin 300 + Thành phần 4: Chất cộng hợp giữa phosphatase kiềm tái tổ hợp với kháng thể (chuột) kháng procalcitonin trong dung dịch đệm MOPS có chất hoạt động bề mặt và protein (bò, chuột, tái tổ hợp), natri azid và ProClin 300 ≥ 2x50test/Hộp	Hộp			10		
90	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT)	Gồm 6 nồng độ. Thành phần chính: Bột đông khô chứa đệm HEPES, protein (bò), natri azit, ProClin 300, procalcitonin người tái tổ hợp với các mức nồng độ xấp xỉ 0,8; 5; 10; 25; 50 và 100 ng/mL (µg/L) ≥ 7x2mL/Hộp	Hộp			4		
	<b>HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM KHÍ MÁU GEM 3000</b>							

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
91	Thuốc thử xét nghiệm định lượng 9 thông số điện giải, khí máu và chuyển hóa	Thành phần bao gồm: 3 túi dung dịch kiểm soát quy trình, 1 túi dung dịch tham chiếu và túi đựng nước thải, thẻ cảm biến, van phân phối, ống bơm, kin hút mẫu tất cả được đóng gói trong một khối. ≥ 150 test/Hộp	Hộp			60		
92	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm điện giải, khí máu	Hộp ≥ 3x10x2ml	Hộp			24		
	<b>HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC URIT 5380</b>							
93	Hóa chất pha loãng	Thành phần: Anhydrous Sodium Sulfate 5~15 g/L Preservative Solution <20 g/L Muriate 2~6 g/L Edetate disodium <0.5g/L ≥ 20 lít/ Thùng	Thùng			200		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
94	Dung dịch rửa máy	Thành phần: Preservative Solution <2 g/L Chloride Sulfate <20 g/L Buffer Solution <1 g/L Anticoagulant 1~2 g/L Surfactant <3 g/L ≥ 20 lít/ Thùng	Thùng			55		
95	Dung dịch ly giải hồng cầu	Thành phần: Dodecyl trimethyl ammonium chloride 25~30 g/L Myristyltrimethylammonium bromide 1.0~2.0g/L Hydroxylamine hydrochloride 1.0~2.0 g/L ≥ 1 lít/ Chai	Chai			50		
96	Dung dịch ly giải bạch cầu	Thành phần: Trihydroxymethyl Aminomethane <1 g/L Hydrochlocric Acid <0.2 g/L Triton <0.1 g/L 2-Phenoxyethanol <10 g/L ≥ 20 lít/ Hộp	Hộp			47		
97	Nước rửa đậm đặc	Thành phần: chloride, demineralized water, hypochlorite. ≥ 100ml/lọ	Lọ			4		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
98	Dung dịch kiểm tra máy huyết học 5 thành phần	Thành phần: hồng cầu người và , bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú. Bộ ≥ 3x3ml	Bộ			60		
	<b>HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC MEK-8222K</b>							
99	Dung dịch nhuộm để tách bạch cầu	≥ 500 ml/can Phá màng tế bào hồng cầu cho phân tích thành phần bạch cầu Thành phần: Sodium salts < 1,0 % Surfactant < 2,0 %	Can			100		
100	Dung dịch rửa máy đậm đặc	≥ 5 lít/can Thành phần: Sodium hypochlorite < 4%	Can			40		
101	Dung dịch phá hồng cầu	≥ 500 ml/can Dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu dùng để đếm số lượng bạch cầu và định lượng, phân tích Hemoglobin Thành phần: Ammonium salts < 3,0 % Ammonium oxalate < 3,0 % Potassium cyanide < 0,1 %	Can			100		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
102	Dung dịch pha loãng hồng cầu	<p>≥ 20 lít/can</p> <p>Dùng để pha loãng máu cho đếm tế bào</p> <p>Thành phần: Organic buffer &lt; 0,1 % ; Sodium salts &lt; 1,0 %; Natrium azide &lt; 0,05 %</p>	Hộp			135		
103	Dung dịch rửa máy thường qui	<p>≥ 5 lít/Can</p> <p>Thành phần: Organic buffer &lt; 0,5 %</p> <p>Sodium salts &lt; 2,0 %</p> <p>Proteolytic enzyme &lt; 0,5%</p> <p>Preservative &lt; 0,05%</p>	Can			40		
104	Máu chuẩn 5 thành phần bạch cầu	<p>≥ 3l x 3 ml/ Bộ</p> <p>Dùng để QC máy</p> <p>Thành phần: Chứa hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú.</p> <p>Gồm 3 mức: Thấp , Trung bình, cao</p>	Bộ			60		
105	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	<p>Thuốc thử dùng trong chẩn đoán in vitro dùng làm chất ly giải các tế bào hồng cầu dùng để đo nồng độ hemoglobin</p> <p>Không chứa xyanua</p> <p>Thành phần hoạt tính: Muối amoni bậc 4: 3.7%</p> <p>Chất gây nhiễu: Bilirubin C: nồng độ huyết thanh tối đa ≤33.1 mg/dL, Bilirubin F: nồng độ huyết thanh tối đa ≤31.6 mg/dL</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương</p> <p>Can ≥ 500 ml</p>	Can			90		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
106	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để tách phân bạch cầu	Hóa chất dùng trong chẩn đoán in vitro dùng làm chất ly giải các tế bào hồng cầu dùng để đo 5 thành phần bạch cầu Thành phần: Natri alkyl ether sulphate: 0.11% Chất gây nhiễu: Bilirubin C: nồng độ huyết thanh tối đa $\leq 33.1$ mg/dL, Bilirubin F: nồng độ huyết thanh tối đa $\leq 31.6$ mg/dL Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương Can $\geq 500$ ml	Can			90		
107	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng trong chẩn đoán in vitro dùng làm chất pha loãng cho các mẫu máu toàn phần để đo công thức máu toàn phần. Là dung dịch đẳng trương dẫn điện có độ pH gần với độ pH của máu. Thành phần hoạt tính: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương Can $\geq 18$ lít	Can			120		
108	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Chất tẩy rửa dùng trong chẩn đoán in vitro dựa trên chất hoạt động bề mặt với mục đích loại bỏ vết máu để làm sạch đường dịch của máy phân tích huyết học Thành phần hoạt tính: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049% Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương Can $\geq 5$ lít	Can			25		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
109	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	Hóa chất dùng trong chẩn đoán in vitro là chất tẩy rửa gốc axit hypocloro với mục đích loại bỏ vết máu để làm sạch đường ống của máy phân tích huyết học Thành phần hoạt tính: Natri hypoclorit 1.3% Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương Can $\geq$ 5Lít	Can			25		
110	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học dùng để nội kiểm mức thường	Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu, kiểm soát 20 thông số Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú được hòa tan dung dịch tương tự huyết tương với chất bảo quản Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương Lọ $\geq$ 3ml	Lọ			24		
111	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức cao	Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu, kiểm soát 20 thông số Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú được hòa tan dung dịch tương tự huyết tương với chất bảo quản Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương Lọ $\geq$ 3ml	Lọ			24		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
112	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thấp	Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu, kiểm soát 20 thông số Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú được hòa tan dung dịch tương tự huyết tương với chất bảo quản Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương Lọ ≥ 3ml	Lọ			24		
	<b>HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU UA 600</b>							
113	Test thử nước tiểu 11 thông số	11 thông số: Urobilinogen, Bilirubin, Ketone, Blood, Protein, Nitrite, Leukocytes, Glucose, Specific Gravity, Ascorbic Acid, pH	Test			75.000		
114	Hóa chất nội kiểm nước tiểu mức 1	≥ 12x12ml/Hộp	Hộp			8		
115	Hóa chất nội kiểm nước tiểu mức 2	≥ 12x12ml/Hộp	Hộp			8		
	<b>HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY ĐO TỐC ĐỘ MÁU LẮNG</b>							

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Hãng - Nước sản xuất	Mã HS	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
116	Hóa chất kiểm chuẩn	Hoá chất kiểm chuẩn dùng cho máy ESR 3000/SFRI, $\geq 9$ ml/lọ	Lọ			2		
<b>III</b>	<b>DANH MỤC HÓA CHẤT THỰC HIỆN KỸ THUẬT IVF</b>							
117	Môi trường đông tinh trùng	Đề tối đa hóa sự sống sót của tinh trùng và duy trì tính toàn vẹn và chức năng của DNA sau khi bảo quản lạnh. Dung dịch không chứa lòng đỏ trứng, chỉ chứa các thành phần được xác định về mặt hóa học, bao gồm glycerol như một chất bảo vệ lạnh.	ml			160		
	<b>Tổng: 75 Khoản</b>							

**Ghi chú:**

'- Hàng mới 100%

- Giao hàng tại kho Bệnh viện Sản Nhi Bắc Ninh số 1

- Giá trên là giá tối đa, đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế, phí khác, chi phí vận chuyển, bàn giao, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu, bảo hành tại đơn vị sử dụng. Giá trên không bao gồm hoa hồng, chiết khấu, khuyến mại và các đàm phán thỏa thuận thương mại khác,...khi mua sắm.

- Hạn sử dụng của hàng hóa: Hạn sử dụng còn lại của hàng hóa trúng thầu tính từ thời điểm giao hàng đảm bảo tối thiểu như sau:

+  $\geq 01$  năm đối với hàng có hạn dùng  $\geq 02$  năm;

+  $\geq 1/2$  hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng  $\leq 6$  tháng hoặc có hạn dùng từ  $>01$  năm đến  $< 02$  năm;

+  $\geq 03$  tháng đối với những hàng hóa có hạn dùng từ  $> 6$  tháng đến  $\leq 01$  năm;

- Có nhãn phụ, hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt đối với hàng nhập khẩu.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 730 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực